

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHIỆM KỲ 2021-2026
TIỂU BAN TUYÊN TRUYỀN



HỎI ĐÁP

PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

(TÀI LIỆU THAM KHẢO)

THÁNG 3 NĂM 2021
(Lưu hành nội bộ)

Lời giới thiệu

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 sẽ tiến hành vào Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi để cử tri phát huy quyền và nghĩa vụ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Để phục vụ cho các cơ quan, tổ chức cũng như cử tri trên địa bàn Thành phố nghiên cứu, nắm vững các quan điểm chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026, giúp người dân tìm hiểu và thực hiện tốt các quy định pháp luật về bầu cử, Tiểu ban tuyên truyền Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 – 2026 biên soạn cuốn “*Hỏi đáp pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân*”.

Tài liệu này giới thiệu một số nội dung cơ bản về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Quốc hội, Hội đồng nhân dân; những nội dung liên quan đến công tác bầu cử từ chuẩn bị, triển khai, tổ chức đến kết thúc cuộc bầu cử; các quyền và nghĩa vụ của cử tri cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác bầu cử.

Trân trọng giới thiệu đến quý vị độc giả nghiên cứu, tham khảo.

TIỂU BAN TUYÊN TRUYỀN

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1.	Khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”, như vậy, Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng cách thức nào?	7
2.	Quốc hội Việt Nam được ra đời từ khi nào? Đến nay đã có bao nhiêu nhiệm kỳ Quốc hội?	7
3.	Tại sao nói Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?	8
4.	Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?	9
5.	Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội được quy định như thế nào?	10
6.	Kỳ họp Quốc hội được quy định như thế nào?	10
7.	Ủy ban thường vụ Quốc hội được tổ chức như thế nào?	10
8.	Ủy ban thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn gì?	11
9.	Hội đồng dân tộc có cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn gì?	12
10.	Ủy ban của Quốc hội có cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn gì?	12
11.	Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội? Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội?	13
12.	Đại biểu Quốc hội có những quyền và trách nhiệm gì?	13
13.	Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	14
14.	Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, nước ta gồm có những đơn vị hành chính nào?	15
15.	Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính được quy định như thế nào?	15
16.	Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?	15
17.	Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương?	16
18.	Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, huyện?	17
19.	Cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn?	18
20.	Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân là bao nhiêu năm? Kỳ họp Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	19
21.	Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân? Nhiệm kỳ của đại biểu Hội đồng nhân dân là bao nhiêu năm?	20
22.	Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	20
23.	Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021–2026 diễn ra ngày nào? Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?	20
24.	Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?	21
25.	Tại sao nói bầu cử là quyền và trách nhiệm của công dân?	22
26.	Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?	22
27.	Những trường hợp nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?	22

28.	Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV là bao nhiêu người? Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu người?	23
29.	Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 – 2026 là bao nhiêu người ?	23
30.	Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?	24
31.	Đề nghị cho biết cách tính tuổi để thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân?	25
32.	Việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu dựa trên cơ sở nào?	26
33.	Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	26
34.	Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 phải bảo đảm các tiêu chí nào?	27
35.	Thành phố Hồ Chí Minh phân đấu bảo đảm các yêu cầu cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Trung ương như thế nào?	28
36.	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định như thế nào về đơn vị bầu cử? Thành phố Hồ Chí Minh có bao nhiêu đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bao nhiêu đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2016–2021?	28
37.	Pháp luật quy định như thế nào về khu vực bỏ phiếu, những trường hợp nào được phép thành lập khu vực bỏ phiếu riêng?	31
38.	Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?	32
39.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	32
40.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	34
41.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban bầu cử trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	34
42.	Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn gì?	35
43.	Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn gì?	36
44.	Tổ bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?	37
45.	Người ứng cử có được làm thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử không?	38
46.	Việc lập danh sách cử tri cần tuân thủ những nguyên tắc nào?	38
47.	Những trường hợp nào thì không được ghi tên vào danh sách cử tri?	39
48.	Những ai có thẩm quyền lập danh sách cử tri?	39
49.	Khi đã niêm yết danh sách cử tri, nếu kiểm tra thấy có sai sót thì công dân có quyền khiếu nại hay không?	39
50.	Khi danh sách cử tri đã niêm yết nhưng cử tri vì lý do chính đáng không thể thực hiện quyền bầu cử tại nơi cư trú thì có được bỏ phiếu ở nơi khác không?	40
51.	Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp?	40
52.	Cho biết quy định về việc cử tri chuyển đến ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri?	41
53.	Công dân Việt Nam làm việc ở nước ngoài trở về Việt Nam có được ghi tên vào danh sách cử tri không?	41

54.	Những người nào được gọi là cử tri?	41
55.	Trước đây, anh B tham gia một vụ ẩu đả, gây thương tích nên bị bắt, khi bị xét xử thì Tòa án kết án tù nhưng cho hưởng án treo. Vậy, anh B có được ghi tên vào danh sách cử tri không?	41
56.	Người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân phải nộp hồ sơ ứng cử tại đâu, hồ sơ bao gồm những loại giấy tờ gì?	42
57.	Một người có thể nộp hồ sơ ứng cử ở nhiều cấp được không?	43
58.	Hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử do cơ quan nào tổ chức và nhằm mục đích gì?	43
59.	Hội nghị cử tri nơi công tác đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?	44
60.	Hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?	44
61.	Cơ quan nào lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân? Danh sách những người ứng cử gồm những thông tin gì?	45
62.	Việc niêm yết danh sách người ứng cử được quy định như thế nào?	46
63.	Trong trường hợp nào thì người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân bị xóa tên khỏi danh sách? Cơ quan nào có thẩm quyền xóa tên người đó khỏi danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?	46
64.	Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?	47
65.	Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đối với người ứng cử được quy định như thế nào?	48
66.	Các trường hợp không giải quyết tố cáo đối với người ứng cử đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp?	48
67.	Đề nghị cho biết nguyên tắc vận động bầu cử theo quy định của pháp luật hiện hành?	48
68.	Thời gian nào thì tiến hành vận động bầu cử và vận động bầu cử thông qua những hình thức nào?	49
69.	Hội nghị tiếp xúc cử tri do ai tổ chức và gồm những nội dung gì?	49
70.	Việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?	50
71.	Những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử?	51
72.	Việc bỏ phiếu phải tuân theo nguyên tắc nào để đảm bảo đúng quy định của pháp luật?	51
73.	Nội quy phòng bỏ phiếu được quy định như thế nào?	52
74.	Việc thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu được quy định như thế nào?	52
75.	Pháp luật hiện hành có quy định về thời gian bỏ phiếu hay không?	53
76.	Việc kiểm phiếu được tiến hành ở đâu, những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?	53
77.	Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?	54
78.	Phiếu như thế nào là phiếu không hợp lệ?	55
79.	Cách thức bỏ phiếu được quy định như thế nào?	55

80.	Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?	56
81.	Việc xác định người trúng cử phải tuân theo nguyên tắc nào?	56
82.	Bầu cử thêm, bầu cử lại, bầu cử bổ sung là gì?	56
83.	Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào?	57
84.	Thời hạn giải quyết khiếu nại và cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?	58
85.	Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?	58
86.	Hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?	59

Câu 1: Khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”, như vậy, Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng cách thức nào?

Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”.

1. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, cụ thể:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ được quy định trong Hiến pháp: quyền bầu cử, bãi nhiệm; quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước của công dân; quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền giám sát đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước.

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các tổ chức chính trị - xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam) và tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra khi các tổ chức này thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại Nhân dân; quyền trình dự án luật, dự án pháp lệnh; phối hợp với Chính phủ, chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan; tham dự phiên họp của Chính phủ, các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự hội nghị Ủy ban nhân dân khi bàn các vấn đề có liên quan.

2. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân; thông qua đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; thông qua các cơ quan Nhà nước, các thiết chế Hiến định (Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước); thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác được giao thực thi quyền lực nhà nước.

Câu 2: Quốc hội Việt Nam được ra đời từ khi nào? Đến nay đã có bao nhiêu nhiệm kỳ Quốc hội?

1. Lịch sử ra đời Quốc hội Việt Nam

- Tiên thân của Quốc hội Việt Nam là “Đại hội đại biểu quốc dân” (được triệu tập tại Tân Trào, Tuyên Quang vào ngày 16/8/1945). Đại hội đã thay mặt toàn dân nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, cử ra Ủy

ban Dân tộc giải phóng (tức Chính phủ lâm thời) lãnh đạo toàn dân giành chính quyền và xây dựng chế độ mới.

- Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 06/01/1946 cuộc Tổng tuyển cử lần đầu tiên trong cả nước được tiến hành. Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, chính kiến... đã tham gia cuộc Tổng tuyển cử, tự do lựa chọn người đại diện cho mình. Đây là cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên và cũng là sự kiện trọng đại, mở đầu thời kì mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự ra đời của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đầu tiên của Nhiệm kỳ Quốc hội khoá I vào ngày 2 tháng 3 năm 1946.

2. Nhiệm kỳ Quốc hội¹

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.

Từ năm 1946 đến năm 2021, Quốc hội đã trải qua 14 nhiệm kỳ.

Câu 3: Tại sao nói Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?²

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân được thể hiện ở các mặt sau đây:

- Quốc hội là cơ quan nhà nước do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- Quốc hội gồm các đại biểu đại diện cho các tầng lớp Nhân dân. Quốc hội là sự thể hiện rõ nhất khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đại diện cho trí tuệ của Nhân dân cả nước.

- Quốc hội có nhiệm vụ phục vụ cho lợi ích chung của Nhân dân và dân tộc, nói lên tiếng nói của Nhân dân, thể hiện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân cả nước.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, bởi vì theo quy định của Hiến pháp, ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Quốc hội do Nhân dân bầu ra, là cơ quan nhà nước cao nhất thực hiện quyền lực của Nhân dân. Chỉ Quốc hội mới có quyền thể chế ý chí, nguyện vọng của Nhân dân thành Hiến pháp, luật.

Hiến pháp giao cho Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

¹ Khoản 1 Điều 2 Luật Tổ chức Quốc hội 2014

² Tham khảo thêm tài liệu "Hỏi đáp về bầu cử" của HĐBC quốc gia

Câu 4: Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?³

1. Chức năng: Theo quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng là: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;
- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;
- Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước;
- Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;
- Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;
- Quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật;

³ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia

- Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội;

- Quyết định đại xá;

- Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

- Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

- Quyết định trưng cầu ý dân.

Câu 5: Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội được quy định như thế nào?⁴

- Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

- Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Quốc hội, hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác.

Câu 6: Kỳ họp Quốc hội được quy định như thế nào?⁵

- Quốc hội họp công khai.

Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Quốc hội quyết định họp kín.

- Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ.

Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường.

Câu 7: Ủy ban thường vụ Quốc hội được tổ chức như thế nào?⁶

- Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội.

⁴ Điều 3 Luật Tổ chức Quốc hội 2014

⁵ Điều 90 Luật Tổ chức Quốc hội 2014

⁶ Điều 44 Luật Tổ chức Quốc hội 2014

- Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội làm Phó Chủ tịch. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và không đồng thời là thành viên Chính phủ. Số Phó Chủ tịch Quốc hội và số Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội do Quốc hội quyết định.

- Nhiệm kỳ của Ủy ban thường vụ Quốc hội bắt đầu từ khi được Quốc hội bầu ra và kết thúc khi Quốc hội khóa mới bầu ra Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu 8: Ủy ban thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn gì?⁷

Ủy ban thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì kỳ họp Quốc hội;
- Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
- Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;
- Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội;
- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích Nhân dân;
- Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

⁷ Điều 74 Hiến pháp 2013

- Quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được và báo cáo Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

- Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

- Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;

- Phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

Câu 9: Hội đồng dân tộc có cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn gì?

1. Hội đồng dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng dân tộc do Quốc hội bầu; các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng dân tộc do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.⁸

2. Hội đồng dân tộc có các nhiệm vụ, quyền hạn sau⁹:

- Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh về chính sách dân tộc; thẩm tra các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; thẩm tra việc bảo đảm chính sách dân tộc trong các dự án luật, pháp lệnh trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tham gia ý kiến về việc ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc của Chính phủ.

- Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực dân tộc; giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giám sát văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có liên quan đến công tác dân tộc.

- Trình dự án luật trước Quốc hội, dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Hội đồng dân tộc phụ trách.

- Kiến nghị các vấn đề về chính sách dân tộc của Nhà nước, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và về những vấn đề khác có liên quan đến công tác dân tộc.

Câu 10: Ủy ban của Quốc hội có cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn gì?¹⁰

- Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên. Chủ nhiệm Ủy ban do Quốc hội bầu; các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

⁸ Điều 75 Hiến pháp 2013

⁹ Điều 69 Luật Tổ chức Quốc hội 2014

¹⁰ Điều 76 Hiến pháp 2013

- Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án luật, kiến nghị về luật, dự án khác và báo cáo được Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; thực hiện quyền giám sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do luật định; kiến nghị những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban.

Câu 11: Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội? Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội?

1. Vị trí, vai trò¹¹

- Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội.

- Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

- Đại biểu Quốc hội bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

2. Nhiệm kỳ¹²

- Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

- Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội được bầu bổ sung bắt đầu từ ngày khai mạc kỳ họp tiếp sau cuộc bầu cử bổ sung đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.

Câu 12: Đại biểu Quốc hội có những quyền và trách nhiệm gì?

1. Đại biểu Quốc hội có các quyền¹³:

- Đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Đại biểu Quốc hội được tư vấn, hỗ trợ trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ về dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh theo quy định của pháp luật.

- Đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký tham dự phiên họp do Hội đồng, Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

- Đại biểu Quốc hội có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Quốc hội bầu.

- Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh

¹¹ Điều 21 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014

¹² Điều 25 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014

¹³ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia

án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

- Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị Quốc hội làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, trưng cầu ý dân, thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, tổ chức phiên họp bất thường, phiên họp kín của Quốc hội và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu Quốc hội thấy cần thiết.

- Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

- Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

- Đại biểu Quốc hội có quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia ý kiến vào các vấn đề quản lý nhà nước, vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân và các vấn đề khác mà đại biểu quan tâm.

2. Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm¹⁴:

- Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp toàn thể của Quốc hội; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên.

- Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

- Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật.

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

Câu 13: Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?¹⁵

¹⁴ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia

¹⁵ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia

- Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Việc đề nghị bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trường hợp đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- Đại biểu Quốc hội không thể bị cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu công tác bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải nếu không được Ủy ban thường vụ Quốc hội đồng ý.

Câu 14: Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, nước ta gồm có những đơn vị hành chính nào?¹⁶

Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có:

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh);
- Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện);
- Xã, phường, thị trấn (cấp xã);
- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Câu 15: Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính được quy định như thế nào?

- Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- Chính quyền địa phương ở nông thôn gồm chính quyền địa phương ở tỉnh, huyện, xã.

- Chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, phường, thị trấn.

Câu 16: Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?¹⁷

- Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

- Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

¹⁶ Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

¹⁷ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia

Câu 17: Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương?

Commented [KL1]: Tài liệu của TP vì vậy đề nghị chỉ đề cập đến HĐND thành phố trực thuộc TW

1. Cơ cấu tổ chức¹⁸:

- Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở thành phố trực thuộc trung ương bầu ra.
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì có một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì có hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương thành lập Ban pháp chế, Ban kinh tế - ngân sách, Ban văn hóa - xã hội, Ban đô thị. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên, số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quyết định. Trường hợp Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì Ban có một Phó Trưởng ban; trường hợp Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì Ban có hai Phó Trưởng ban. Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.”.

- Các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a. Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm.¹⁹

- Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật;
- Về xây dựng chính quyền;
- Trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường;
- Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao;
- Trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội;
- Về công tác dân tộc, tôn giáo;
- Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

¹⁸ Điều 39 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

¹⁹ Điều 19, 39 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm cả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các quận, phường trực thuộc.

- Quyết định quy hoạch về xây dựng và phát triển đô thị trong phạm vi được phân quyền.

- Quyết định các biện pháp phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị; điều chỉnh dân cư theo quy hoạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Câu 18: Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, huyện?

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện²⁰:

- Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở cấp huyện bầu ra.

- Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện. Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện thành lập Ban pháp chế, Ban kinh tế - xã hội; nơi nào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì thành lập Ban dân tộc.

Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện do Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Các đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

²⁰ Điều 25, 46, 53 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện được quy định tại Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận được quy định tại Điều 47 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Câu 19: Cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn?

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn²¹:

- Hội đồng nhân dân xã, thị trấn gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở xã, thị trấn bầu ra.

- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, thị trấn gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, thị trấn là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thành lập Ban pháp chế, Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn hoạt động kiêm nhiệm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị trấn²²:

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị trấn.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thị trấn; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thị trấn.

- Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của thị trấn trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách thị trấn; điều chỉnh dự toán ngân sách thị trấn trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách thị trấn. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị trấn; giám sát hoạt động của Thường

Commented [KL2]: Tổ chức HĐND các cấp ở TPHCM đã có thay đổi, được quy định ở NQ 131/2020, theo đó không tổ chức HĐND phường, quận, do đó, trong phần này chỉ nên đề cập đến những cấp chính quyền có tổ chức HĐND.

²¹ Điều 32, 60, 67 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

²² Điều 68 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thị trấn bầu.

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã²³:

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã tương tự như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị trấn, ngoài ra có thêm nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn xã.

Câu 20: Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân là bao nhiêu năm? Kỳ họp Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?²⁴

1. Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm, kể từ kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

- Hội đồng nhân dân họp bất thường khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

- Cử tri ở xã, thị trấn có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn họp, bàn và quyết định những công việc của xã, thị trấn. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên mười phần trăm tổng số cử tri của xã, thị trấn theo danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại cuộc bầu cử gần nhất thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân bất thường để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

- Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp

²³ Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

²⁴ Điều 10, 78 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

Câu 21: Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân? Nhiệm kỳ của đại biểu Hội đồng nhân dân là bao nhiêu năm?

1. Vị trí, vai trò²⁵:

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Nhiệm kỳ²⁶:

Nhiệm kỳ của đại biểu Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu bổ sung bắt đầu làm nhiệm vụ đại biểu từ ngày khai mạc kỳ họp tiếp sau cuộc bầu cử bổ sung đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau.

Câu 22: Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?²⁷

- Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, không có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Câu 23: Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021–2026 diễn ra ngày nào? Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?²⁸

Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 diễn ra vào ngày:

CHỦ NHẬT, NGÀY 23 THÁNG 5 NĂM 2021

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Bầu cử là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân

²⁵ Khoản 2 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

²⁶ Khoản 2 Điều 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

²⁷ Điều 100 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015

²⁸ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia (Chỉ thị số 51-CT/TW – Tập hợp các văn bản hướng dẫn bầu cử, HĐBC Quốc gia biên soạn (trang 7, 8))

trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức cùng một ngày trên phạm vi cả nước, trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội, nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi đề cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 24: Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?²⁹

Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc được lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27 của Hiến pháp và Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền bầu cử là quy định của pháp luật về khả năng của công dân thực hiện quyền lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc đề cử, giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu, tức là quyền chủ động trong lựa chọn của công dân.

Quyền ứng cử là quy định của pháp luật về việc công dân có đủ điều kiện thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

²⁹ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia

Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 25: Tại sao nói bầu cử là quyền và trách nhiệm của công dân?³⁰

Quyền bầu cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội. Vì vậy, thực hiện bầu cử là trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

Câu 26: Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?³¹

Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam. - Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Câu 27: Những trường hợp nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?³²

Những trường hợp sau đây không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân:

³⁰ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia. Link nội dung: <https://quochoi.vn/hdbc/Pages/hoi-dap-ve-bau-cu.aspx?ItemID=31040>

³¹ Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 ; Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019

³² Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND

- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

- Người đang bị khởi tố bị can.

- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu 28: Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV là bao nhiêu người? Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu người?

Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV là 500 người³³.

Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV của Thành phố Hồ Chí Minh là 30 người³⁴.

Câu 29: Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 – 2026 là bao nhiêu người³⁵?

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 95 đại biểu.

- Số đại biểu HĐND ở thành phố Thủ Đức và các huyện của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

+ TP Thủ Đức có 67 ứng cử viên để bầu ra 40 đại biểu HĐND TP Thủ Đức nhiệm kỳ 2021-2026. Số đại biểu được bầu cử tại đơn vị bầu cử số 6 là 4 đại biểu. 12 đơn vị bầu cử còn lại, mỗi đơn vị sẽ bầu ra 3 đại biểu.

+ Huyện Bình Chánh có 35 đại biểu được bầu với 68 ứng cử viên; có 10 đơn vị bầu cử; cấp xã có 477 đại biểu được bầu với 912 ứng cử viên, có 124 đơn vị bầu cử.

+ Huyện Củ Chi có 35 đại biểu được bầu với 58 ứng cử viên; có 12 đơn vị bầu cử; cấp xã có 609 đại biểu được bầu với 1.017 ứng cử viên, có 124 đơn vị bầu cử.

³³ Điều 1 Nghị quyết 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/1/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV

³⁴ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/1/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

³⁵ Theo Nghị quyết số 34/NQ-UBBC ngày 4/3/2021 của Ủy ban bầu cử Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021 – 2026, đăng trên Trang tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh: <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/tphcm-de-xuat-10-don-vi-bau-cu-dai-bieu-quoc-hoi-va-32-don-vi-bau-cu-dai-bieu-hdnd-tp-nhiem-ky-2021-1491875134>. Truy cập ngày 10/3/2021.

Commented [KL3]: Câu này đề nghị nêu cụ thể số lượng đại biểu, không trích dẫn nguyên tác xác định nữa vì Ủy ban bầu cử TP đã ban hành Nghị quyết và xác định cụ thể số lượng đại biểu.

+ Huyện Hóc Môn có 35 đại biểu được bầu với 59 ứng cử viên; có 12 đơn vị bầu cử; cấp xã có 359 đại biểu được bầu với 587 ứng cử viên, có 101 đơn vị bầu cử.

+ Huyện Nhà Bè có 35 đại biểu được bầu với 59 ứng cử viên; có 12 đơn vị bầu cử; cấp xã có 206 đại biểu được bầu với 340 ứng cử viên, có 124 đơn vị bầu cử. Huyện Cần Giờ có 30 đại biểu được bầu với 51 ứng cử viên; có 7 đơn vị bầu cử; cấp xã có 187 đại biểu được bầu với 306 ứng cử viên.

Câu 30: Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?³⁶

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.³⁷

1. Nguyên tắc phổ thông thể hiện tính toàn dân và toàn diện trong bầu cử, bảo đảm để mọi công dân không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, đủ mười tám tuổi (18) tuổi trở lên đều có quyền tham gia bầu cử và đủ hai mươi một (21) tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.³⁸

Yêu cầu của nguyên tắc này là Nhà nước phải bảo đảm để cuộc bầu cử thực sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền bầu cử của mình, bảo đảm tính dân chủ, công khai và sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp Nhân dân.

2. Bình đẳng trong bầu cử là một nguyên tắc nhằm bảo đảm tính khách quan, không thiên vị để mọi công dân đều có khả năng như nhau tham gia bầu cử, nghiêm cấm mọi sự phân biệt dưới bất cứ hình thức nào.

Nguyên tắc bình đẳng được pháp luật quy định trong việc thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân, thể hiện ở các mặt như sau:

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú;

- Mỗi người chỉ được ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ *một (01) phiếu bầu đại biểu Quốc hội và một (01) phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân*;³⁹

- Giá trị phiếu bầu của mọi cử tri như nhau mà không có sự phân biệt.

³⁶ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia. Link nội dung: <https://quochoi.vn/hdbc/Pages/hoi-dap-ve-bau-cu.aspx?ItemID=31040>

³⁷ Khoản 1 Điều 7 Hiến pháp 2013; Điều 1 Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân 2015

³⁸ Điều 27 Hiến pháp 2013

³⁹ Khoản 1 Điều 69 Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015

Nguyên tắc bình đẳng còn đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, số đại biểu được bầu ở từng địa phương, bảo đảm tiếng nói đại diện của các vùng, miền, địa phương, các tầng lớp xã hội, các dân tộc thiểu số và phụ nữ phải có tỷ lệ đại biểu thích đáng trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

3. Bầu cử trực tiếp là việc cử tri trực tiếp đi bầu cử, tự bỏ lá phiếu của mình vào thùng phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm vào cơ quan quyền lực nhà nước. Cử tri không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư.

4. Nguyên tắc bỏ phiếu kín bảo đảm cho cử tri tự do lựa chọn người mình tín nhiệm mà không bị tác động bởi những điều kiện và yếu tố bên ngoài. Theo đó, cử tri bầu ai, không bầu ai đều được bảo đảm bí mật. Cử tri viết phiếu bầu trong khu vực riêng, không ai được đến gần, kể cả cán bộ, nhân viên các tổ chức phụ trách bầu cử; không ai được biết và can thiệp vào việc viết phiếu bầu của cử tri. Cử tri tự mình bỏ phiếu vào thùng phiếu.

Câu 31: Đề nghị cho biết cách tính tuổi để thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân?⁴⁰

Điều 2 Luật Bầu cử *đại biểu* Quốc hội và *đại biểu* Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân *nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* đủ mười tám (18) tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một (21) tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.⁴¹

Cách tính tuổi công dân để được ghi tên vào danh sách cử tri như sau:

- Tuổi để thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được ấn định (Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng, năm sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng, năm sinh dương lịch của năm sau.

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

⁴⁰ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia

⁴¹ Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015

Câu 32: Việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu dựa trên cơ sở nào?⁴²

Việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở sau đây:

- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất ba đại biểu cư trú⁴³ và làm việc tại địa phương;

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là năm trăm người.⁴⁴

Câu 33: Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?⁴⁵

Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được quy định như sau:

- Căn cứ vào dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là một trăm lẻ năm (105) ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội.

- Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất mười tám phần trăm (18%) tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

- Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

- Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

⁴² Điều 7 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015

⁴³ Điều 1 Luật Cư trú năm 2006 quy định: "...Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú."

⁴⁴ Khoản 1 Điều 23 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014

⁴⁵ Điều 8 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015

Câu 34: Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 phải bảo đảm các tiêu chí nào?⁴⁶

Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm *dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; coi trọng chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; có đại diện của các thành phần xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo, độ tuổi và đáp ứng các yêu cầu sau đây:*

- Bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; *phần đầu tỷ lệ phụ nữ trúng cử là khoảng ba mươi phần trăm (30%) tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;*⁴⁷

- *Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người trong danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương. Quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong nhiều khóa chưa có người tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân;*⁴⁸

- *Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;*⁴⁹

- *Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là đại biểu trẻ tuổi dưới (dưới 40 tuổi) không thấp hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;*⁵⁰

- *Phần đầu đạt tỷ lệ từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở từng cấp;*⁵¹

- *Giảm tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước so với nhiệm kỳ 2016 - 2021;*⁵²

⁴⁶ Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. (gọi tắt là Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14)

⁴⁷ Điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁴⁸ Điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁴⁹ Điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁵⁰ Điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁵¹ Điểm đ khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁵² Điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

- Việc phân bổ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại các đơn vị bầu cử phải bảo đảm công bằng, bình đẳng; bảo đảm tương quan hợp lý với tỷ lệ dân số giữa các đơn vị hành chính trực thuộc, giữa các thôn, tổ dân phố.⁵³

Câu 35: Thành phố Hồ Chí Minh phần đầu bảo đảm các yêu cầu cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Trung ương như thế nào?⁵⁴

Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thành phố Hồ Chí Minh phần đầu đảm bảo các yêu cầu cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Trung ương, đó là:

- Bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; phần đầu tỷ lệ phụ nữ trúng cử là khoảng ba mươi phần trăm 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người trong danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương. Quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong nhiều khóa chưa có người tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân;

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) không thấp hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Phần đầu đạt tỷ lệ từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở từng cấp;

Câu 36: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định như thế nào về đơn vị bầu cử? Thành phố Hồ Chí Minh có bao nhiêu đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bao nhiêu đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2016–2021?⁵⁵

1. Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo đơn vị bầu cử.⁵⁶

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân,

⁵³ Điểm h khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁵⁴ Điều 2 Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14

⁵⁵ Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND

⁵⁶ Khoản 1 Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được công bố chậm nhất là tám mươi (80) ngày trước ngày bầu cử.⁵⁷

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Xã, phường, thị trấn được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM, TP.Thủ Đức, 05 Huyện và 63 xã, thị trấn⁵⁸, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là tám mươi (80) ngày trước ngày bầu cử.⁵⁹

Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá ba (03) đại biểu. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá năm (05) đại biểu.⁶⁰

Cụ thể như sau:

2. Thành phố Hồ Chí Minh có 10 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

Đơn vị bầu cử	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu được bầu	Ghi chú
Số 1	Thành phố Thủ Đức	03	
Số 2	Quận: 1, 3 và Bình Thạnh	03	
Số 3	Quận 5, 8, 11	03	
Số 4	Quận 10, 12	03	
Số 5	Quận Tân Bình và quận Tân Phú	03	
Số 6	Quận Bình Tân	03	
Số 7	Quận Phú Nhuận và quận Gò Vấp	03	

⁵⁷ Khoản 2 Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁵⁸ Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về Tổ chức Chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Nghị quyết số 131/2020/QH14)

⁵⁹ Khoản 3 Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁶⁰ Khoản 4 Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

Đơn vị bầu cử	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu được bầu	Ghi chú
Số 8	Quận 6 và huyện Bình Chánh	03	
Số 9	Quận 4, 7 và các huyện: Nhà Bè, Cần Giờ	03	
Số 10	Huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn	03 ⁶¹	
Tổng số Đại biểu Quốc Hội nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu:		30	

3. Toàn Thành phố có 32 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 – 2026 và số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố được bầu là chỉ mười lăm (95) đại biểu, phân chia cho 31 đơn vị bầu ba (03) đại biểu, 01 đơn vị bầu hai (02) đại biểu (01 đơn vị của huyện Hóc Môn).

Đơn vị bầu cử	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu được bầu	Ghi chú
1	1/3 thành phố Thủ Đức	03	
2	1/3 thành phố Thủ Đức	03	
3	1/3 thành phố Thủ Đức	03	
4	Quận 1	03	
5	Quận 3	03	
6	Quận 4	03	
7	Quận 5	03	
8	Quận 6	03	
9	Quận 7	03	
10	Quận 8	03	
11	Quận 10	03	
12	Quận 11	03	
13	1/2 Quận 12	03	

⁶¹ Trích Nghị quyết số 64/NQ-HĐBCQG ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

<i>Đơn vị bầu cử</i>	<i>Đơn vị hành chính</i>	<i>Số lượng đại biểu được bầu</i>	<i>Ghi chú</i>
14	<i>½ Quận 12</i>	03	
15	<i>½ quận Bình Tân</i>	03	
16	<i>½ quận Bình Tân</i>	03	
17	<i>½ quận Bình Thạnh</i>	03	
18	<i>½ quận Bình Thạnh</i>	03	
19	<i>½ quận Gò Vấp</i>	03	
20	<i>½ quận Gò Vấp</i>	03	
21	<i>quận Phú Nhuận</i>	03	
22	<i>quận Tân Bình</i>	03	
23	<i>½ quận Tân Phú</i>	03	
24	<i>½ quận Tân Phú</i>	03	
25	<i>½ huyện Bình Chánh</i>	03	
26	<i>½ huyện Bình Chánh</i>	03	
27	<i>½ huyện Củ Chi</i>	03	
28	<i>½ huyện Củ Chi</i>	03	
29	<i>huyện Cần Giờ</i>	03	
30	<i>½ huyện Hóc Môn</i>	03	
31	<i>½ huyện Hóc Môn</i>	02	
32	<i>huyện Nhà Bè</i>	03 ⁶²	
Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021-2026:		95	

Câu 37: Pháp luật quy định như thế nào về khu vực bỏ phiếu, những trường hợp nào được phép thành lập khu vực bỏ phiếu riêng?⁶³

⁶² Mục 3.2 Báo cáo của Ủy ban bầu cử về tiến độ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021-2026

1. Về khu vực bỏ phiếu:

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, vùng cao, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

2. Các trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng:

- Đơn vị vũ trang nhân dân;
- Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên;
- Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam.

Câu 38: Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?⁶⁴

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

- Hội đồng bầu cử quốc gia.⁶⁵
- Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử*).
- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (*sau đây gọi chung là Ban bầu cử*).
- Tổ bầu cử.⁶⁶

Câu 39: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?⁶⁷

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung

⁶³ Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁶⁴ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HDBC quốc gia

⁶⁵ Điều 14 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁶⁶ Điều 21 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁶⁷ Điều 15 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

- Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.
- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử.
- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử.
- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử.
- Quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.⁶⁸

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội

- Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử.

- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến.

- Gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện việc hiệp thương. Giới thiệu và gửi hồ sơ của người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu để về ứng cử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban bầu cử; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước.

- Quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội hoặc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

- Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội.

- Trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu.

⁶⁸ Điều 14 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; chuyển giao hồ sơ, khiếu nại, tố cáo liên quan đến những người trúng cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.⁶⁹

Câu 40: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?⁷⁰

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Kiểm tra việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hủy bỏ kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Câu 41: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban bầu cử trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?⁷¹

Trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở *tỉnh* có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn *tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử;

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở *địa phương*;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở *địa phương*;

- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại Thành phố; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam *cấp tỉnh* để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội tại *địa phương* đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

⁶⁹ Điều 14 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

⁷⁰ Điều 16 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

⁷¹ Khoản 1 Điều 23 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

- Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định;

- Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

- Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội từ Ủy ban nhân dân *cấp tỉnh* và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội ở *địa phương*;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở *địa phương*;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 42: Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn gì?⁷²

Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở TP HCM, Ủy ban bầu cử ở TP Thủ Đức, Ủy ban bầu cử 05 Huyện, Ủy ban bầu cử ở 63 xã, thị trấn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

- Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

⁷² Khoản 2 Điều 23 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

- Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiêu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương;

- Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình;

- Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyên đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

Câu 43: Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn gì?⁷³

Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

- Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

⁷³ Khoản 3 Điều 24 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;

- Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở Thành phố khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở *tỉnh*; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 44: Tổ bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?⁷⁴

Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;

- Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị *hòm* phiếu;

- Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;

- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;

- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;

- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;

- Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;

⁷⁴ Khoản 2 Điều 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;

- Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

Câu 45: Người ứng cử có được làm thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử không?⁷⁵

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử.

Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

Câu 46: Việc lập danh sách cử tri cần tuân thủ những nguyên tắc nào?⁷⁶

Việc lập danh sách cử tri cần tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, *trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.*⁷⁷

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và *nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM hoặc nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TP Thủ Đức hoặc nhận thẻ bầu Đại biểu Quốc hội và bầu đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, bầu đại biểu Hội đồng nhân dân 05 Huyện, 63 xã, thị trấn (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và*

⁷⁵ Điều 27 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015

⁷⁶ Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND

⁷⁷ Khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 quy định như sau: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.”

*đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, đại biểu Hội đồng nhân dân TP. Thủ Đức hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, đại biểu Hội đồng nhân dân 05 Huyện*⁷⁸(nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 47: Những trường hợp nào thì không được ghi tên vào danh sách cử tri?⁷⁹

Những người thuộc các trường hợp sau đây thì không được ghi tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án.

- Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo.

- Người mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 48: Những ai có thẩm quyền lập danh sách cử tri?⁸⁰

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.

Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu.

Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân có thẩm quyền lập danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. *Quân nhân có hộ khẩu thường trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.*

Câu 49: Khi đã niêm yết danh sách cử tri, nếu kiểm tra thấy có sai sót thì công dân có quyền khiếu nại hay không?⁸¹

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày niêm yết.

⁷⁸ Điều 1 Nghị quyết số 131/2020/QH14

⁷⁹ Khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁸⁰ Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁸¹ Điều 33 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Câu 50: Khi danh sách cử tri đã niêm yết nhưng cử tri vì lý do chính đáng không thể thực hiện quyền bầu cử tại nơi cư trú thì có được bỏ phiếu ở nơi khác không?⁸²

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu.

Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Câu 51: Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp?⁸³

- Cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã khi thuộc các trường hợp sau đây:

- Cử tri là người thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu.

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú.

- Người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc và đã làm thủ tục để được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú.

⁸² Điều 34 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁸³ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia

Câu 52: Cho biết quy định về việc cử tri chuyển đến ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri?⁸⁴

Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Câu 53: Công dân Việt Nam làm việc ở nước ngoài trở về Việt Nam có được ghi tên vào danh sách cử tri không?⁸⁵

Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ⁸⁶(nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ⁸⁷(nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

Câu 54: Những người nào được gọi là cử tri?⁸⁸

Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (Ngày 23 tháng 5 năm 2021), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

Câu 55: Trước đây, anh B tham gia một vụ ẩu đả, gây thương tích nên bị bắt, khi bị xét xử thì Tòa án kết án tù nhưng cho hưởng án treo. Vậy, anh B có được ghi tên vào danh sách cử tri không?⁸⁹

Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định những trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri gồm: người

⁸⁴ Khoản 3 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁸⁵ Khoản 4 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁸⁶ bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM hoặc nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TP Thủ Đức hoặc nhận thẻ bầu Đại biểu Quốc hội và bầu đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, bầu đại biểu Hội đồng nhân dân 05 Huyện, 63 xã, thị trấn (CSPL: Điều 1 Nghị quyết số 131/2020/QH14)

⁸⁷ Bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, đại biểu Hội đồng nhân dân TP. Thủ Đức hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân TPHCM, đại biểu Hội đồng nhân dân 05 Huyện (CSPL: Điều 1 Nghị quyết số 131/2020/QH14)

⁸⁸ Tham khảo thêm tài liệu “Hỏi đáp về bầu cử” của HĐBC quốc gia

⁸⁹ Khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

Anh B không thuộc các trường hợp nêu trên, do đó, anh B được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 56: Người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân phải nộp hồ sơ ứng cử tại đâu, hồ sơ bao gồm những loại giấy tờ gì?⁹⁰

Việc lập và nộp hồ sơ ứng cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như sau:

1. Về nộp hồ sơ ứng cử:

a) Đối với việc ứng cử Đại biểu quốc hội:

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên;⁹¹

b) Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp một bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử. Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.⁹²

2. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn ứng cử;
- Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;
- Tiểu sử tóm tắt;
- Ba (03) ảnh chân dung màu cỡ 4cm x 6cm;
- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.⁹³

3. Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội: Nộp hai (02) bộ.
- Hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Nộp một (01) bộ.

⁹⁰ Điều 35, 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹¹ Điểm a và b khoản 1 Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹² Khoản 1 Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹³ Điều 35 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

4. Thời hạn nộp hồ sơ: Chậm nhất là bảy mươi ngày (70) ngày trước ngày bầu cử.⁹⁴

Câu 57: Một người có thể nộp hồ sơ ứng cử ở nhiều cấp được không?⁹⁵

Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ. Nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

Câu 58: Hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử do cơ quan nào tổ chức và nhằm mục đích gì?

Hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức⁹⁶; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức.⁹⁷

Hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức.⁹⁸

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất⁹⁹ được tổ chức chậm nhất là chín mươi lăm (95) ngày trước ngày bầu cử. Mục đích của Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất là thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử.

Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là chín mươi (90) ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.¹⁰⁰

Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là chín mươi (90) ngày trước ngày bầu cử, *Thường trực Hội đồng nhân dân TPHCM, Thường trực Hội đồng nhân dân TP. Thủ Đức, Thường trực Hội đồng nhân dân 05 Huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân 63 xã, thị trấn* điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.¹⁰¹

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức chậm nhất là sáu mươi lăm (65) ngày trước ngày bầu cử. Mục đích của Hội nghị hiệp thương lần thứ hai là để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú.¹⁰²

⁹⁴ Khoản 1 và 2 Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹⁵ Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹⁶ Khoản 1 Điều 38 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹⁷ Khoản 1 Điều 39 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹⁸ Khoản 1 Điều 50 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

⁹⁹ Nội dung này phù hợp với quy định tại Điều 38, 39 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹⁰⁰ Điều 40 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹⁰¹ Điều 51 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹⁰² Khoản 2 Điều 43, 44, 53 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức chậm nhất là ba mươi lăm (35) ngày trước ngày bầu cử. Mục đích của Hội nghị hiệp thương lần thứ ba là lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.¹⁰³

Câu 59: Hội nghị cử tri nơi công tác đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?¹⁰⁴

1. Việc tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

2. Số lượng cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở những nơi có dưới một trăm (100) cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể, nhưng phải bảo đảm ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri tham dự.

Nơi có từ một trăm (100) cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị đại diện cử tri nhưng phải bảo đảm ít nhất là bảy mươi (70) cử tri tham dự. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người đề các tổ chức công đoàn trực thuộc cử đại diện tham dự; trường hợp không có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người đề các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

3. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

4. Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.¹⁰⁵

Câu 60: Hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?

1. Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử cư trú thường xuyên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường

¹⁰³ Khoản 1 và khoản 2 các Điều 48, 49, 56 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹⁰⁴ Nghị quyết số 1134/2016/UBTVQH13 (Tập hợp các văn bản hướng dẫn bầu cử do HĐBC Quốc gia biên soạn, trang 33)

¹⁰⁵ Khoản 3 Điều 45, khoản 4 Điều 54 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống.

Trường hợp người ứng cử cư trú tại khu chung cư, khu đô thị chưa có tổ dân phố thì tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

2. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị. Trường ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri đến dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị chưa có tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Ban quản trị khu chung cư hoặc Ban quản lý khu chung cư, Ban quản trị khu đô thị (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà khu chung cư hoặc khu đô thị đến dự hội nghị.

3. Thành phần dự hội nghị do Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề mời cử tri đến dự.

4. Đối với nơi có dưới một trăm (100) cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là năm mươi phân trăm (50%) tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ một trăm (100) cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là năm mươi lăm (55) cử tri tham dự hội nghị.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.¹⁰⁶

6. Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc Hội, nhận xét, bày tỏ tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.¹⁰⁷ Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.¹⁰⁸

Câu 61: Cơ quan nào lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân? Danh sách những người ứng cử gồm những thông tin gì?

¹⁰⁶ Điều 2 Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND trong bầu cử bổ sung.

¹⁰⁷ Khoản 3 Điều 45 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹⁰⁸ Khoản 4 Điều 54 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

1. Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử *trong cả nước theo danh sách do Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến chậm nhất là hai mươi lăm (25) ngày trước ngày bầu cử.*¹⁰⁹

2. *Chậm nhất là hai mươi lăm (25) ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử.*¹¹⁰

3. Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác của người ứng cử. Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chỉ được ghi tên vào danh sách ứng cử ở một đơn vị bầu cử.¹¹¹

4. Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó ít nhất là hai (02) người. *Trong trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng thì Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.*¹¹²

Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba (03) đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là hai (02) người; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn (04) đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là ba (03) người.¹¹³

Câu 62. Việc niêm yết danh sách người ứng cử được quy định như thế nào?¹¹⁴

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu.

Câu 63. Trong trường hợp nào thì người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân bị xóa tên khỏi danh sách? Cơ quan nào có thẩm quyền xóa tên người đó khỏi

¹⁰⁹ Khoản 4 Điều 57 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹¹⁰ Khoản 2 Điều 58 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹¹¹ Khoản 5 Điều 57 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹¹² Khoản 6 Điều 57 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹¹³ Khoản 3 Điều 58 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹¹⁴ Điều 59 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?¹¹⁵

- Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 64. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?

Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

- Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền.

Không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo không có họ, tên người tố cáo hoặc mạo danh người khác để tố cáo.

¹¹⁵ Điều 60 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

Câu 65. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đối với người ứng cử được quy định như thế nào?¹¹⁶

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là *từ ngày 13 tháng 5 năm 2021 trở đi*), Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Ủy ban bầu cử ở cấp xã chuyên toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 – 2026 ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Câu 66. Các trường hợp không giải quyết tố cáo đối với người ứng cử đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp?¹¹⁷

Không xem xét, giải quyết đơn tố cáo người ứng cử đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với những trường hợp sau: tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ; tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo có tên nhưng không rõ nội dung, không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo; đơn tố cáo không phải bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

Câu 67. Đề nghị cho biết nguyên tắc vận động bầu cử theo quy định của pháp luật hiện hành?¹¹⁸

Có 03 nguyên tắc khi vận động bầu cử mà người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp cần lưu ý như sau:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

¹¹⁶ Hướng dẫn số 13/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp (gọi tắt là Hướng dẫn số 13/UBKTTW); Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹¹⁷ Hướng dẫn số 13/UBKTTW; Khoản 3 Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹¹⁸ Điều 63 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Câu 68. Thời gian nào thì tiến hành vận động bầu cử và vận động bầu cử thông qua những hình thức nào?¹¹⁹

1. Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

2. Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại Điều 66 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Câu 69. Hội nghị tiếp xúc cử tri do ai tổ chức và gồm những nội dung gì?¹²⁰

1. Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức bởi các cơ quan sau đây:

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp) tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

- Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

¹¹⁹ Điều 64 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015;

- Kế hoạch số 42/KH-HĐBCQG ngày 19/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về triển khai công tác bầu cử ĐBQH và bầu cử ĐB HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

¹²⁰ Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

- Thông tri số 13 /TT-MTTW-BTT ngày 19/01/2021 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026;

- Điều 66 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

2. Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

- Tuyên bố lý do;

- Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiêu sử tóm tắt của người ứng cử;

- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;

- Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Câu 70. Việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?¹²¹

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

¹²¹ Điều 67 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015; Kế hoạch số 42/KH-HĐBCQG ngày 19/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về triển khai công tác bầu cử ĐBQH và bầu cử ĐB HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Câu 71. Những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử?¹²²

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp quy định 04 hành vi bị cấm trong vận động bầu cử như sau:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

Câu 72. Việc bỏ phiếu phải tuân theo nguyên tắc nào để đảm bảo đúng quy định của pháp luật?¹²³

Việc bỏ phiếu phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

- Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

¹²² Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹²³ Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Câu 73. Nội quy phòng bỏ phiếu được quy định như thế nào?¹²⁴

Để cuộc bầu cử đạt kết quả, bảo đảm dân chủ, hợp pháp của cuộc bầu cử và bảo đảm trật tự, an toàn, nhất là trong ngày bỏ phiếu, các tổ chức phụ trách bầu cử và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, khi đến bỏ phiếu, mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu do Hội đồng bầu cử quốc gia quy định.

Nội quy phòng bỏ phiếu được Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu và gồm các nội dung sau đây:

- Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu.
- Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai.
- Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu.
- Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào.
- Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.
- Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu.
- Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri.
- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho một lần bỏ phiếu.

- Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu 74. Việc thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu được quy định như thế nào?¹²⁵

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng

¹²⁴ Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015; Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử ĐBQH khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

¹²⁵ Điều 70 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

Câu 75. Pháp luật hiện hành có quy định về thời gian bỏ phiếu hay không?¹²⁶

Pháp luật hiện hành quy định về thời gian bỏ phiếu như sau:

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

- Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

- Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Câu 76. Việc kiểm phiếu được tiến hành ở đâu, những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu ?¹²⁷

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trình tự tiến hành việc kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm kê (đếm), niêm phong phiếu bầu cử chưa sử dụng và phiếu bầu cử do cử tri gạch hỏng (nếu có), lập biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Mẫu số 35/HĐBC); toàn bộ phiếu bầu cử chưa sử dụng và phiếu bầu cử bị gạch hỏng được niêm phong và gửi kèm theo biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu đến các Ban bầu cử tương ứng.

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu. Người ứng cử hoặc người đại diện hợp pháp của người ứng cử và các phóng viên được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân

¹²⁶ Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹²⁷ Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015;

dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay Ban bầu cử tương ứng để giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử tương ứng để xem xét, quyết định.

Câu 77. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?¹²⁸

Về nguyên tắc, phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu có đóng dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu bầu đủ hoặc ít hơn số lượng đại biểu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu không ghi thêm tên người khác ngoài danh sách những người ứng cử hoặc ghi thêm nội dung khác.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu để bảo đảm phiếu bầu cử hợp lệ. Theo các hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang giữa cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên hàng họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn, gạch chéo, gạch dưới, gạch trên hàng họ và tên người ứng cử; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không được bầu quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không được để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu. Tuy nhiên, trường hợp trên phiếu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết họ và tên của người ứng cử thì vẫn được tính là phiếu hợp lệ.

Trường hợp người ứng cử có hai tên (tên khai sinh, tên thường gọi) hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch tất cả tên khai sinh, tên thường gọi hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu tôn giáo của ứng cử viên đó. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc tên thường gọi; chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc một dòng chức vị, pháp danh, pháp hiệu (đối với chức sắc tôn giáo) thì

¹²⁸ Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử ĐBQH khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Tương tự như vậy, trường hợp bên cạnh họ và tên của người ứng cử có cả ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn () do những người ứng cử trong danh sách ghi trên phiếu có cả họ, tên và tên đệm giống nhau, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần gạch hết cả họ và tên và ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch họ và tên mà không gạch ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Câu 78. Phiếu như thế nào là phiếu không hợp lệ?¹²⁹

Những phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu gạch xóa họ, tên của tất cả những người ứng cử; phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Trong quá trình kiểm phiếu, nếu phát hiện có phiếu bầu cử được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra đề toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên, nội dung ghi trên phiếu bầu.

Câu 79. Cách thức bỏ phiếu được quy định như thế nào?¹³⁰

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình, đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

- Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu

¹²⁹ Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015; Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử ĐBQH khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

¹³⁰ Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.
- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.
- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.
- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Câu 80. Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?¹³¹

Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử.

Câu 81. Việc xác định người trúng cử phải tuân theo nguyên tắc nào?¹³²

Nguyên tắc xác định người trúng cử được thực hiện như sau:

- Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

- Người trúng cử phải là người ứng cử có số phiếu bầu đạt quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.

- Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.

- Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 82. Bầu cử thêm, bầu cử lại, bầu cử bổ sung là gì?¹³³

1. Bầu cử thêm

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

¹³¹ Điều 75 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹³² Điều 78 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

¹³³ Điều 79, Điều 80, Điều 89 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

2. Bầu cử lại

Trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó.

3. Bầu cử bổ sung

- Việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên mười phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

- Việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ;

+ Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Câu 83. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào?¹³⁴

- Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 12 tháng 6 năm 2021** (hoặc 20 ngày sau ngày bầu cử).

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

- Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

¹³⁴ Điều 86 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

- Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 84. Thời hạn giải quyết khiếu nại và cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?¹³⁵

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Câu 85. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?¹³⁶

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, kết quả giải quyết khiếu nại, tổ cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XV cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XV về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội.

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở cấp mình, kết quả giải quyết khiếu nại, tổ cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân.

Trường hợp có đơn thư tố cáo đối với người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có kết luận, kết quả xác minh, trả lời chính thức của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thì Ủy ban bầu cử các cấp vẫn tiến hành việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình căn cứ

¹³⁵ Điều 87 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

¹³⁶ Điều 88 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.

vào các tài liệu, kết luận hiện có. Các nội dung tố cáo chưa có kết luận hoặc chưa được giải quyết được chuyển cho Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan chức năng đã có kết luận kiểm tra khẳng định người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm và bị xử lý kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên thì Ủy ban bầu cử cần xem xét, đánh giá cụ thể về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Nếu đó là hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân là phải có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Ủy ban bầu cử không công nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người này.

Trường hợp sau khi người trúng cử đã được xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân mà cơ quan chức năng mới có kết luận khẳng định người này có vi phạm pháp luật, không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới sẽ xem xét, quyết định việc tự mình báo cáo để Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người có vi phạm theo quy định tại Điều 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Câu 86. Hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?¹³⁷

Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự./.

¹³⁷ Điều 95 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND 2015.